

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 06 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vui là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 28 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 04 năm 2024 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Kim C** – sinh năm: 1969 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

- Bị đơn: Ông **Hồng Văn T** – sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2024 nguyên đơn bà **Ngô Kim C** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông **Hồng Văn T** chung sống như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông **Hồng Văn T**.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có với nhau được 03 người con chung tên **Hồng Thái N**, sinh ngày 19/09/1992; **Hồng Huyền T1**, sinh ngày 29/11/1992; và **Hồng Hữu T2**, sinh ngày 19/09/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, có sức

khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông **Hồng Văn T** kể từ khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập để xét xử nhưng ông **Hồng Văn T** vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Kim C**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà **Ngô Kim C** có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông **Hồng Văn T** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà **C** và ông **T** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông **Hồng Văn T** có địa chỉ tại **ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà **Ngô Kim C** khởi kiện ra Tòa án yêu cầu được ly hôn với ông **Hồng Văn T**. Hội đồng xét xử xét thấy bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1991 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Mọi quan hệ hôn nhân giữa bà **C** và ông **T** không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên bố không công nhận bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Bà **Ngô Kim C** xác định, vợ chồng bà chung sống có với nhau được 03 người con chung tên **Hồng Thái N**, sinh ngày 19/09/1992; **Hồng Huyền T1**, sinh ngày 29/11/1992; và **Hồng Hữu T2**, sinh ngày 19/09/1996. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** xác định ông, bà tự thỏa thuận về tài sản chung. Về nợ chung bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** thống nhất xác định vợ chồng ông, bà không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này bà **Ngô Kim C** và Ông **Hồng Văn T** có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà **Ngô Kim C** phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Ngô Kim C** đối với ông **Hồng Văn T**.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** không phải là vợ chồng.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà **Ngô Kim C** phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013076 ngày 16 tháng 04 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước. Bà **Ngô Kim C** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông **Hồng Văn T** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm công khai Bà **Ngô Kim C** và ông **Hồng Văn T** vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đông Thới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Ngân